

Số: 22/2023/QĐST-HNGĐ

Nam Đông, ngày 05 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Phan Văn S, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn PT, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị Trần Thị L, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn PT, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18 tháng 4 năm 2023, chị Trần Thị L và anh Phan Văn S cùng trú tại Thôn PT, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế và nộp đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Anh S đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự theo thỏa thuận giữa chị L với Anh S. Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Phan Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HG (cũ) này là xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 08/8/2009 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị L và Anh S thừa nhận vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, do quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không được nên vợ

chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy, chị L và Anh S tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị L và anh Phan Văn S.

- Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Phan Văn S có một người con chung tên là Phan Thị Bảo Th, sinh ngày 22/8/2010. Khi vợ chồng sống ly thân, cháu Th sống với Anh S và được Anh S chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo đầy đủ các điều kiện cho cháu Th. Sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận giao cháu Th cho Anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Th đủ 18 tuổi và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của các bên về nuôi con. Sau khi ly hôn chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên đương sự có quyền xin thay đổi nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị L và anh Phan Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Phan Văn S không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Anh Phan Văn S tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Phan Văn S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phan Thị Bảo Th, sinh ngày 22/8/2010 cho anh Phan Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Phan Thị Bảo Th đủ 18 tuổi và chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị L và anh Phan Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Phan Văn S không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), anh Phan Văn S tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà Anh S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002665 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh S đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã HX, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Hồ Minh Thước